

TỔ CHỨC VÀ VẬN HÀNH HỆ THỐNG GIÁO DỤC NAM KỲ THỜI THUỘC PHÁP (1861 - 1945)

NGÔ THỊ MINH HẰNG*

Bài viết trình bày quá trình ra đời và hoạt động của hệ thống giáo dục phổ thông và dạy nghề cũng như các lần cải cách của hệ thống giáo dục này ở Nam Kỳ thời thuộc Pháp. Qua đó cho thấy những đặc điểm nổi bật về sự tổ chức và vận hành hệ thống giáo dục Nam Kỳ giai đoạn 1861 - 1945.

Từ khóa: tổ chức, giáo dục, hệ thống giáo dục Nam Kỳ

Nhận bài ngày: 6/11/2019; *đưa vào biên tập:* 12/11/2019; *phản biện:* 4/1/2020; *duyet đăng:* 10/2/2020

1. DẪN NHẬP

Giáo dục phương Tây sau khi thoát khỏi ảnh hưởng của nhà thờ Công giáo, trở thành một nền giáo dục thế tục tiên tiến, được tổ chức một cách hệ thống, khoa học với những nội dung và phương pháp giáo dục tiến bộ. Giáo dục phương Tây là một thành tựu văn hóa mà nhân loại đã đạt được. Đến thời cận đại, giáo dục phương Tây đã có sự phát triển vượt bậc, đạt được những thành tựu về tổ chức quản lý, vận hành và hình thành những đặc trưng của văn hóa giáo dục hiện đại. Với kinh nghiệm của một nước có nền giáo dục phát triển, thực

dân Pháp hiểu rõ sức mạnh của giáo dục, họ đã sử dụng giáo dục như một công cụ đắc lực vào quá trình thống trị ở Việt Nam để có một đội ngũ những người phục vụ công cuộc “khai hóa”.

1. KHÁI LƯỢC GIÁO DỤC NHO GIÁO Ở NAM KỲ TRƯỚC KHI PHÁP XÂM LƯỢC

Giáo dục ở Nam Kỳ trước khi Pháp xâm chiếm là một hệ thống giáo dục nho giáo của triều đình phong kiến nhà Nguyễn. Quá trình tổ chức và vận hành được thực hiện như sau:

Về tổ chức và vận hành hệ thống giáo dục thì hệ thống giáo dục Nho giáo thời nhà Nguyễn có hai loại trường là trường công và trường tư. Trường công do triều đình mở và đặt dưới sự quản lý của nhà nước và kén chọn

* Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.

các quan vẫn lo việc dạy học: “Năm 1803, Gia Long cho dời Quốc Tử Giám vào Huế và giao cho Quốc Tử Giám nhiệm vụ khảo khóa học trò và chọn con các quan lại, học trò giỏi các nơi cử lên để đào tạo thành những người có học vấn ra làm quan” (Nguyễn Đăng Tiến, 1996: 137). Triều Nguyễn đã lập ra các loại trường tỉnh, phủ, huyện thuộc hệ thống “hương học”, có trách nhiệm rèn học sinh để đủ trình độ đi thi hương.

Các trường học ở các tổng, xã, ấp là các loại trường dân lập hay tư thực do các thầy đồ hay các nho sĩ mở ra và trực tiếp giảng dạy, quản lý (Nguyễn Q. Thắng, 1993: 56). Các đốc học, giáo thụ, huấn đạo thì ăn lương của triều đình; còn các thầy đồ ở các hương học thì sống bằng tiền đóng góp của phụ huynh học sinh.

Đối với các trường tư thì bất cứ nho sĩ nào cũng có quyền mở trường dạy học hay các gia đình rước thầy về dạy học ngay tại nhà mình. Người dạy có thể là những người có học đang chờ các kỳ thi, những người cáo quan về làm nghề dạy học.

Về nội dung dạy học, triều Nguyễn vẫn lấy Nho học làm phương tiện để giáo hóa con người. Các sách *Tứ thư*, *Ngũ kinh* là những tài liệu dạy học chủ yếu trong nền giáo dục nho giáo. Học trò phải cung kính, hiếu thảo với cha mẹ, tu dưỡng bản thân cho nghiêm chỉnh, siêng năng học hành, đèn sách, theo gương những người xưa mà “tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”. Những cuốn sách dung để dạy cho trẻ

em có thể kể như: Sơ học vấn tân, Ấu học ngũ ngôn thi, Minh tâm bửu giám, Minh đạo gia huấn, Hiếu kinh, Nhất thiên tự, Nhị thiên tự... Từ 10 tuổi trở lên học trò mới bắt đầu học Kinh truyện, Cổ văn, thơ Đường, tập viết ám tả, viết văn... “Nội dung những sách Sơ học nhằm tập cho học trò hiểu lễ, trọng nghĩa, biết sử sách để noi gương tốt”. “Kinh truyện (tứ thư và ngũ kinh) giúp cho học sinh thấu rõ nghĩa lý của đạo Nho để trở nên người hiểu biết, mong sau này giúp ích cho đời bằng cách thi đỗ, làm quan, giúp vua, giúp nước” (Nguyễn Q. Thắng, 1993: 74).

Các nhà nho sử dụng phương pháp dạy truyền thống là cho học trò học thuộc lòng để thấm nhuần lời nói thánh hiền. Người học tiếp thu kiến thức một cách thụ động, thiếu tinh thần sáng tạo, theo lối “thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ” (thuật lại chứ không sáng tạo, chỉ tin vào đạo lý của thời xưa). Vua Gia Long mở kỳ thi Hương đầu tiên vào năm 1813, trong đó Nam Kỳ có trường thi Gia Định. Trường thi Gia Định là một trong những trường thi lớn, tuyển chọn được nhiều nhân tài vùng đất Nam Kỳ cho triều đình. Kỳ thi Hương cuối cùng được tổ chức ở Nam Kỳ là vào năm 1864 ở ba tỉnh miền Tây.

Như vậy ở Nam Kỳ, trước khi Pháp xâm chiếm, học sinh không được trang bị kiến thức về khoa học tự nhiên và kỹ thuật; chưa có trường lớp tổ chức thành hệ thống như giáo dục phương Tây thời kỳ này.

3. HỆ THỐNG TRƯỜNG HỌC Ở NAM KỲ THỜI PHÁP (1861 - 1945)

3.1. Sự ra đời của hệ thống các trường phổ thông

Ngày 16/7/1864, Thống đốc Nam Kỳ Grandière ra nghị định tổ chức các trường tiểu học ở tỉnh để dạy chữ quốc ngữ và toán pháp. Về giáo dục phổ thông thì đây là những trường học được thành lập sớm nhất ở Nam Kỳ.

Năm 1873, Trường Taberd do linh mục Kerlan thành lập. Trường được gọi theo tên Giám mục Taberd, giám mục địa phận Nam Kỳ từ 1830 đến 1840. Đây là một dạng trường nghĩa thực dạy các trẻ bị bỏ rơi, trong số đó có nhiều trẻ em lai (<https://vi.wikipe dia.org/>).

Trường Nữ sinh Áo Tím được thành lập theo đề nghị của Nghị viên Hội đồng Quản hạt Nam Kỳ Lê Văn Trung cùng vợ của Tổng đốc Phương, là trường đa cấp dành cho nữ. Trường được khởi công năm 1913 và đến năm 1915 thì xây dựng xong và khai giảng. Khóa đầu tiên trường tuyển 42 nữ sinh, đồng phục khi này là áo dài tím, tượng trưng cho sự tinh khiết của phụ nữ Việt Nam.

Ngày 14/1/1874, Thống đốc Nam Kỳ, Chuẩn Đô đốc Pháp Jules F. Krantz cho thành lập Trường Collège Indigène (Trung học bản xứ) dành cho con em người Pháp tại Sài Gòn, sau đổi tên thành Collège Chasseloup Laubat, tên Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp. Trường được khởi công xây dựng 1874 và hoàn thành 1877, lúc đầu trường chỉ nhận học sinh người

Pháp, đến đầu thế kỷ XX thì nhận thêm học sinh người Việt có quốc tịch Pháp. Trường có hai khu dành cho học sinh người Pháp và khu dành cho học sinh người Việt (khu bản xứ), nhưng đều được dạy chung chương trình Pháp và thi tú tài Pháp. Tháng 11/1927, Trường Collège Chasseloup Laubat đặt một phân hiệu tại Chợ Quán cho học sinh bản xứ lấy tên là Collège de Cochinchine, đặt dưới sự điều hành của Ban Giám đốc Trường Chasseloup Laubat và một giáo sư làm tổng giám thị (Nguyễn Q. Thắng 1993: 152).

Ngày 11/8/1928, Toàn quyền Đông Dương tạm quyền René Robert ký Nghị định số 3116 thành lập tại Chợ Quán Trường Cao đẳng Tiểu học Pháp bản xứ trên cơ sở phân hiệu của Collège Chasseloup Laubat và sát nhập hệ trung học đệ nhị cấp bản xứ (Lycée) để thành lập trường mới có tên là Lycée Petrus Trương Vĩnh Ký, hay trường Petrus Ký (Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, 2016: 774).

Bên cạnh các trường nói trên, lợi dụng lòng mộ đạo của người dân công giáo, thực dân Pháp còn tạo điều kiện cho việc thành lập các trường dòng để thu hút các học sinh là con em giáo dân vào học và đào tạo họ thành những thông ngôn, thư ký. Chính quyền tiến hành nhiều biện pháp để thu hút học sinh đi học, như thưởng tiền cho trẻ em biết đọc, biết viết, trao phần thưởng cho học sinh giỏi, lôi kéo con em đồng bào Công giáo đến trường... Đến năm 1866, số trường dòng đã lên

47 trường với 1.328 người (Nguyễn Đăng Tiến, 1996: 193). Chính quyền Nam Kỳ cũng mở thêm trường trung học ở Chợ Lớn cho học sinh Hoa kiều và lai Hoa kiều.

Bức tranh tổng thể về giáo dục phổ thông là hệ thống các trường phổ thông đã được mở khắp các địa phương ở Nam Kỳ từ Sài Gòn đến Mỹ Tho, Cần Thơ. Tính đến năm 1886, ở Nam Kỳ có 17 trường do người Âu quản lý, trong đó có 10 trường nam và 7 trường nữ. Số học sinh trường nam là 1.829 học sinh, do 48 giáo viên người Pháp và 78 giáo viên người Việt dạy. Học sinh trường nữ có 992 học sinh do 25 giáo viên người Pháp và 25 giáo viên người Việt dạy. Trường hàng quận có 16 trường với 1.553 học sinh và 24 giáo viên người Pháp và 51 giáo viên người Việt. Trường hàng tổng có 219 trường với 10.441 học sinh do 270 giáo viên người Việt dạy. Trường hàng xã có 91 trường với 3.416 học sinh và 91 giáo viên người Việt (Nguyễn Đăng Tiến, 1996: 193).

3.2. Sự ra đời hệ thống các trường dạy nghề ở Nam Kỳ

Bên cạnh hệ thống các trường phổ thông, chính quyền Nam Kỳ còn mở ra hệ thống các trường dạy nghề để đào tạo nghề. Trường dạy nghề đầu tiên là trường Thông ngôn An Nam, còn gọi là Trường Bá Đa Lộc, được thành lập vào ngày 8/5/1862. Trường Sư phạm thuộc địa Sài Gòn được thành lập ngày 10/7/1871, đến năm 1874 bị bãi bỏ và đến ngày 1/6/1897

thì tái tổ chức lại. Trường Sư phạm Tiểu học Nam Kỳ được thành lập ngày 24/2/1886. Năm 1874, Pháp cho thành lập Trường Hậu bổ nhằm đào tạo những thanh tra dân sự. Trường Y tế thực hành bản xứ ở Nam Kỳ thành lập ngày 25/8/1903. Hệ thống các trường dạy nghề kỹ thuật gồm có: Trường Dạy nghề Sài Gòn (11/4/1904); Trường Cơ khí Á Châu tại Sài Gòn (20/2/1906); Trường Thực hành Nông - Lâm Bến Cát (tỉnh Thủ Dầu Một) (10/12/1917); Trường Sư phạm Sài Gòn đào tạo giáo viên nữ tiểu học bản xứ (25/7/1923); Trường Nữ hộ sinh Chợ Lớn (28/5/1924), Trường Dạy nghề ở Sa Đéc, Hà Tiên...

4. TỔ CHỨC, VẬN HÀNH HỆ THỐNG GIÁO DỤC PHÁP THUỘC Ở NAM KỲ

4.1. Tổ chức quản lý giáo dục các cấp Thứ nhất, hệ thống quản lý giáo dục ở cấp độ toàn Nam Kỳ

Trong thời gian đầu, trước năm 1906, là giai đoạn thử nghiệm về giáo dục mang tính chất địa phương của chính quyền thuộc địa bởi những văn bản được ban hành chỉ áp dụng ở Nam Kỳ, nơi Pháp xâm lược sớm nhất ở Đông Dương và xem như thuộc địa của mình. Giáo dục chủ yếu do các đô đốc hải quân kiêm quyền thống đốc Nam Kỳ trực tiếp quản lý và ban hành các văn bản thành lập các trường như trường thông ngôn và các trường tiểu học. Quyết định ngày 17/11/1874 của Chuẩn Đô đốc - quyền Thống đốc Nam Kỳ đặt Quy chế cho ngành học chính Nam Kỳ, chia giáo dục phổ

thông làm 2 bậc là tiểu học và trung học. Nghị định số 55 ngày 17/3/1879 của Thống đốc Nam Kỳ về tổ chức sở học chính Nam Kỳ, chia hệ thống giáo dục làm 3 cấp I, II, III. Hai văn bản quy định các trường thuộc địa, chương trình giáo dục công tại Nam Kỳ hoàn toàn miễn phí và mang tính tự nguyện. Trường tư chỉ được mở khi chính quyền cho phép và người xin mở trường phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện về năng lực, đạo đức và chịu sự giám sát của chính quyền (Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, 2016: 11).

Ngày 14/11/1905, Tổng thống Pháp ra Sắc lệnh về việc thành lập Nha học chính Đông Dương, cơ quan quản lý giáo dục của Pháp trên toàn cõi Đông Dương. Quản lý trực tiếp Nha học chính Đông Dương là Toàn quyền Đông Dương. Toàn quyền Đông Dương có Hội đồng Tư vấn Học chính (1924) giúp tư vấn cho Toàn quyền các vấn đề về giáo dục. Ở các kỳ có Hội đồng Học chính cấp Kỳ giúp tư vấn cho Thống đốc (Nam Kỳ), Khâm sứ (Trung Kỳ)⁽¹⁾, Thống sứ (Bắc Kỳ).

Cuộc cải cách giáo dục lần thứ nhất được đánh dấu bằng sự kiện, ngày 8/3/1906, Toàn quyền Đông Dương Paul Beau ban hành Nghị định thành lập Hội đồng Hoàn thiện nền giáo dục bản xứ. Tiếp theo, ngày 16/5/1906 có 4 nghị định được ban hành để hoàn thiện nghị định nói trên, trong đó có việc thành lập tại mỗi xứ ở Đông Dương một Hội đồng Hoàn thiện nền giáo dục bản xứ. Thành phần Hội đồng đã được Toàn quyền Đông

Dương ấn định có đại diện các quan cai trị, các trường học và các địa phương⁽²⁾. Như vậy, cùng với các xứ khác, trong quản lý hoạt động giáo dục, bên cạnh Sở Học chính, Nam Kỳ còn có Hội đồng Hoàn thiện về giáo dục với các tiêu chí cho xứ của mình. Hội đồng Hoàn thiện giáo dục bản xứ có nhiệm vụ nghiên cứu mọi vấn đề liên quan đến “thiết lập hoặc cải tổ nền giáo dục bản xứ”, “hợp tác với các nhà xuất bản (trong việc xuất bản sách giáo khoa)”; “tuyển dụng và đào tạo giáo viên”; “nghiên cứu, thu thập, bảo quản” những tác phẩm văn học, triết học, lịch sử (Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, 2016: 13).

Quản lý giáo dục ở các Kỳ do các Sở Học chính đảm nhiệm. Đứng đầu các Sở Học chính là Chánh Sở Học chính. Chánh Sở Học chính được đặt dưới quyền quản lý của Thống đốc Nam Kỳ về những vấn đề liên quan đến tài chính và ngân sách, đồng thời chịu sự giám sát của Giám đốc Nha Học chính Đông Dương về phương diện kỹ thuật và nghề nghiệp. Ngày 25/11/1906, Toàn quyền Đông Dương quyết định phân loại chức Chánh Sở Học chính tại Nam Kỳ thành 3 hạng theo người Châu Âu hay bản xứ với các mức lương cụ thể.

Để tư vấn, theo dõi và giám sát quá trình vận hành của bộ máy quản lý giáo dục các cấp, Toàn quyền Đông Dương đã thành lập cơ quan Thanh tra - Cố vấn Học chính. Theo Nghị định ngày 10/9/1914, quy định hoạt động và quyền hạn của Thanh tra - Cố vấn học

chính như sau: giúp Toàn quyền “tổ chức hoạt động giáo dục công và tư thực ở các cấp”; “tập trung tài liệu hữu ích đến cách thức và tổ chức hoạt động của các Sở Học chính”; “báo cáo thống kê chương trình, sách giáo khoa, thỉnh nguyện để hoàn thiện giáo dục địa phương”; “giám sát kỹ thuật, chuyên môn tất cả các trường công lập và tư thực” (Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, 2016: 280).

Thứ hai, tổ chức quản lý giáo dục ở các hạt (tỉnh), phủ, huyện

Theo Quyết định số 44 ngày 31/3/1863 của Phó Đô đốc kiêm Thống đốc Nam Kỳ về việc tái lập nền học chính Nam Kỳ, thì đứng đầu mỗi hạt (tỉnh) là một đốc học. Đốc học có quyền tổ chức và tập trung mọi vấn đề liên quan đến chương trình giảng dạy các phủ, huyện và các xã trong tỉnh; các kỳ thi; chế độ đãi ngộ với nho sĩ và học sinh; đề xuất kỳ thi tuyển dụng thợ lại trong bộ máy chính quyền các tỉnh; giúp cho chủ tỉnh đôn đốc các viên chức, giáo thụ và huấn đạo tại các khu vực thực thi nhiệm vụ được giao. Đốc học chịu sự chỉ đạo trực tiếp của chủ tỉnh, ăn nghỉ tại tỉnh lỵ.

Mỗi phủ có một giáo thụ, mỗi huyện có một huấn đạo. Các viên chức này ngoài việc chịu sự quản lý của các đốc học còn chịu sự chỉ đạo của quan huyện, quan phủ và thanh tra tiểu khu. Ở các tiểu khu trực thuộc, những viên chức này có quyền hạn như đốc học cấp tỉnh.

Thứ ba, về tổ chức quản lý ở các trường học phổ thông

Các trường đều đặt dưới sự quản lý của Sở Nội vụ và các chủ tỉnh. Mỗi trường cấp I có một hiệu trưởng người Pháp. Mỗi trường cấp II có 2 giáo viên người Pháp và một giáo viên người Việt. Mỗi trường cấp III có 4 giáo viên người Pháp và một giáo viên người Việt.

Đa số giáo viên người Việt là thư ký Sở Nội vụ, họ không được đào tạo về sư phạm do đó việc giảng dạy và lập kế hoạch chương trình đào tạo đều có nhiều bất cập. Các chủ tỉnh thì thiếu quan tâm đến giáo dục nên cơ sở vật chất thiếu thốn, sách giáo khoa và chương trình chắp vá làm cho hiệu quả giáo dục không cao.

Nhìn chung, thông qua cách tổ chức các trường học của Pháp tại Nam Kỳ, so với giáo dục thời phong kiến đó là một tổ chức chặt chẽ và có sự giám sát lẫn nhau.

4.2. Hoạt động của hệ thống trường học ở Nam Kỳ

Giai đoạn trước năm 1874, ở Nam Kỳ mỗi tỉnh có một trường tiểu học do một số thông dịch viên làm thầy giáo. Chương trình học chỉ tập đọc, viết chữ quốc ngữ. Sau khi tốt nghiệp các học sinh được phép về làng mình mở trường dạy học. Năm 1867, chính quyền tổ chức một kỳ thi chung cho các địa phương. Chính quyền cũng đồng thời tổ chức bồi dưỡng cho các giáo viên tập sự và giáo viên chính thức.

Từ năm 1874, quyền Thống đốc Nam Kỳ ban hành Quy chế cho ngành học chính tại Nam Kỳ, đây là bản quy chế

giáo dục đầu tiên của thực dân Pháp. Quy chế chia giáo dục ra hai bậc tiểu học và trung học. So với nền giáo dục trước đó, nền giáo dục do Pháp áp dụng vào Nam Kỳ có những nét khác biệt với giáo dục thời Nguyễn như sau:

Về nội dung học. Trường tiểu học được mở tập trung ở 6 nơi: Sài Gòn, Chợ Lớn, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Bến Tre, Sóc Trăng, có các môn như học đọc, viết chữ quốc ngữ, chữ nho, chữ Pháp, số học. Kỳ thi tốt nghiệp tiểu học gồm có thi viết và thi vấn đáp. Trường trung học chỉ mở ở Sài Gòn, dạy 3 ban với các môn: tiếng Pháp, chữ quốc ngữ, toán, địa lý, lịch sử (dạy lịch sử Pháp, không dạy lịch sử Việt Nam).

Về sách giáo khoa và tài liệu học tập. Chính quyền cho in các quyển sách giáo khoa về mẫu tự chữ quốc ngữ, hai quyển về số học và hình học cơ bản. Chính quyền còn phát cho học sinh tờ *Nguyệt san thuộc địa* và tờ *Gia Định báo* để dùng như sách giáo khoa mà họ biên soạn chưa kịp, cũng nhằm để tuyên truyền cho chế độ thuộc địa.

Tháng 3/1879, Lafont ký quyết định ban hành Quy chế mới thay Quy chế năm 1874. Theo quy chế này, hệ thống giáo dục được chia làm ba cấp, gồm trường hàng tổng (cấp I), trường hàng quận (cấp II), trường hàng tỉnh, trường trung học (cấp III). Mỗi huyện có một trường cấp một, ở mỗi tỉnh có 6 trường cấp hai và trung học Chasseloup Laubat ở Sài Gòn. Đến năm 1880, chính quyền mở thêm trường trung học ở Mỹ Tho, một trường

ở Chợ Lớn cho người Hoa và một trường tiểu học cho cả nam lẫn nữ.

Về chương trình. Thời gian học được quy định lại: cấp I học sinh học 3 năm gồm các môn tiếng Pháp, bốn phép tính, cách đo lường, chữ Hán và chữ quốc ngữ. Cấp II, thời gian học là 3 năm, các môn học gồm có tiếng Pháp, toán, lịch sử Việt Nam, địa lý Việt Nam, chữ Hán và chữ quốc ngữ, tốt nghiệp học sinh được nhận bằng Sơ học (Brevet Élémentaire). Cấp III, học sinh học 4 năm, chương trình có những môn mới như thiên văn, địa chất, sinh vật, các môn học đều học bằng tiếng Pháp, tốt nghiệp học sinh được cấp bằng Cao đẳng tiểu học (Brevet Supérieur). So với chương trình giáo dục nho học, thì chương trình giáo dục Pháp cụ thể và học cân bằng các môn học hơn, thời gian học quy định rõ ràng theo từng cấp học.

Về mục tiêu giáo dục. Trong giai đoạn đầu tổ chức giáo dục ở Nam Kỳ, người Pháp đã tập trung vào đào tạo thông dịch viên và viên chức phục vụ bộ máy chính quyền thực dân và bước đầu áp đặt nền giáo dục mới từ Châu Âu vào Nam Bộ.

Năm 1906, P. Beau đưa ra kế hoạch cải cách giáo dục lần thứ nhất của Pháp tại Việt Nam, tiến hành áp đặt giáo dục của Pháp vào Việt Nam bằng cách vừa mở rộng trường lớp, vừa cải tổ dần nền giáo dục cũ để tiến tới thủ tiêu hẳn giáo dục phong kiến. Theo cải cách này, sự vận hành hệ thống giáo dục ở Nam Kỳ có sự thay đổi như sau:

Hệ thống trường Pháp - Việt, được chia làm hai bậc tiểu học và trung học. Bậc tiểu học học trong 4 năm, qua các lớp tư, ba, nhì và lớp nhất, được dạy chủ yếu bằng tiếng Pháp, các môn dạy bằng chữ Hán và chữ quốc ngữ rất ít; bậc trung học chia làm hai cấp Trung học đệ nhất cấp và trung học đệ nhị cấp, trung học đệ nhất cấp học sinh chỉ học một năm được chia làm 2 ban: Ban Văn học và Ban khoa học.

Hệ thống trường chữ Hán được chia làm 3 cấp ấu học, tiểu học và trung học. Bậc ấu học có 3 loại trường: trường một năm hay dưới một năm mở ở các vùng xa xôi, hẻo lánh chỉ dạy bằng chữ quốc ngữ; loại trường hai năm dạy bằng chữ Hán và chữ Pháp; loại trường ba năm dạy bằng ba thứ chữ quốc ngữ, chữ Pháp và chữ Hán. Ở hai loại trường hai năm và ba năm, chữ Hán có thể không bắt buộc nhưng chữ Pháp thì bắt buộc. Sau khi học xong bậc ấu học, học sinh phải trải qua một kỳ thi gọi là hạch tuyển, nếu đậu được cấp bằng “tuyển sinh.” Ở bậc tiểu học, trường được mở ở các phủ, huyện có thời gian học là hai năm, dạy bằng ba thứ tiếng, trong đó chữ quốc ngữ chiếm nhiều giờ nhất. Kết thúc chương trình, học sinh qua một kỳ thi (hạch khóa) để lấy bằng khóa sinh. Quản lý và giảng dạy ở trường tiểu học là do các giáo thụ và huấn đạo. Ở bậc trung học, trường được mở ở các tỉnh lỵ do các quan đốc học phụ trách. Chương trình học vẫn được dạy bằng chữ Pháp, Hán và

quốc ngữ, trong đó chữ quốc ngữ được dạy nhiều thời gian nhất. Học sinh được cấp học bổng, kết thúc bậc học phải trải qua một kỳ thi (thí sinh hạch), nếu đậu sẽ được cấp bằng Thí sinh và được miễn sưu, dịch một năm, đồng thời được tham gia thi hương.

Cho đến lúc này, chương trình học không ổn định và thống nhất do có nhiều loại trường trong một hệ thống giáo dục, tiến hành cải cách một cách chắp vá. Sách giáo khoa được đưa từ Pháp sang nhưng kết quả cũng rất hạn chế do khác nhau về trình độ và văn hóa. Vào cuối thế kỷ XIX, Sở học chính Nam Kỳ đã cho biên soạn một số sách giáo khoa dùng để dạy trong các trường tiểu học.

Giai đoạn 1917 - 1945, tháng 12/1917, A. Sarraut cho ban hành bộ Học chính tổng quy, thay đổi cơ bản hệ thống giáo dục ở Nam Kỳ, được coi là cuộc cải cách giáo dục lần thứ hai. Bộ Học chính tổng quy xác định giáo dục ở Việt Nam là dạy học phổ thông và thực nghiệp. Theo bộ Học chính tổng quy này, hệ thống giáo dục Nam Kỳ được tổ chức lại như sau:

Hệ thống trường học chia làm hai loại: Trường Pháp dạy cho học sinh người Pháp theo chương trình “chính quốc” và trường Pháp - Việt dạy cho người Việt theo chương trình “bản xứ”. Giáo dục chia làm ba cấp: đệ nhất cấp (Tiểu học), đệ nhị cấp (Trung học), đệ tam cấp (Cao đẳng và đại học). Ngoài ra còn có các trường dạy nghề (trường thực nghiệp) tương ứng với các bậc tiểu học và trung học.

- *Đệ nhất cấp*, gồm các trường tiểu học ở các xã; có thể tổ chức một trường tiểu học cho hai, ba xã nếu xã nhỏ. Có hai loại trường tiểu học: Trường Tiểu học bị thể (eclé primaire de pleinexerices) có 5 lớp: đồng ấu, dự bị, sơ đẳng, lớp nhì và lớp nhất; trường sơ đẳng tiểu học (eclé élémentaire) là những trường chỉ có hai, ba lớp dưới dành cho những vùng mà học sinh chỉ cần học để biết đọc, biết viết, không tiếp tục học lên nữa.

- *Đệ nhị cấp*: bậc trung học chia làm hai cấp, cao đẳng tiểu học và trung học: Cao đẳng tiểu học học trong 4 năm với 4 lớp đệ nhất, đệ nhị, đệ tam và đệ tứ niên, tốt nghiệp học sinh thi lấy bằng cao đẳng tiểu học (còn gọi là bằng đíp-lôm hay thành chung). Bậc trung học học 2 năm, sau đó thi lấy bằng tú tài, nhưng chỉ là tú tài bản xứ.

- *Hệ thực nghiệp ở trường tiểu học thực nghiệp* có các trường dạy nghề như rèn, mộc, nề, trường gia chánh, trường canh nông, trường mỹ thuật công nghiệp và mỹ nghệ. Ở các trường trung học thực nghiệp, dạy các ngành nghề khá hoàn chỉnh chứ không dạy sơ lược như cấp dưới. Các trường thực nghiệp do người đứng đầu địa phương quản lý trực tiếp, học sinh sau học xong sẽ tùy theo cấp học và trình độ mà có thể vào làm ở các cơ sở sản xuất khác nhau.

- *Đệ tam cấp*: Ở Nam Kỳ giai đoạn này không có các trường đại học mà chỉ có các trường dạy nghề như: Trường Nông nghiệp Bến Cát; Trường Canh nông Nam Kỳ; Trường

Mỹ nghệ bản xứ ở Thủ Dầu Một dạy các nghề thêu, khảm và vẽ; Trường Biên Hòa dạy các nghề trang sức, đồ gỗ và nghề sắt; Trường Sa Đéc dạy các nghề làm mặt hàng từ đồi mồi; ở Cần Thơ có trường dạy thêu... Điểm nổi bật của loại trường này là việc đào tạo gắn với thực nghiệp, chú trọng thực hành để học sinh sau khi học xong có thể làm việc thành thạo tại các cơ sở sản xuất.

Về đội ngũ giáo viên, những người có bằng sơ học yếu lược hoặc bằng khóa sinh chỉ cần có lời cam đoan tuân theo luật lệ của làng, xã trong việc dạy dỗ con em là có thể dự tuyển làm giáo viên. Hàng năm các giáo viên được dự các lớp bồi dưỡng chuyên môn do cơ quan học chính tỉnh tổ chức trong thời gian không quá 6 tuần.

Đến năm 1923, Toàn quyền Đông Dương Merlin đã có một số quy định thay đổi về giáo dục như ở bậc tiểu học, sau khi học xong 3 năm bậc sơ đẳng học sinh phải thi sơ học yếu lược thì mới được tiếp tục học lên lớp trên. Năm 1927, mở thêm lớp nhì đệ nhất làm lớp chuyển tiếp giữa lớp sơ đẳng và lớp nhì đệ nhị; mở thêm lớp "bổ trợ dự bị" cho các làng chưa có điều kiện mở trường.

Hệ thống giáo dục đến lúc này, được tổ chức lại như sau:

- *Bậc tiểu học* có Trường Sơ đẳng Yếu lược bản xứ gồm các lớp đồng ấu, dự bị, sơ đẳng, có khi chỉ có một hai lớp sơ đẳng, còn được gọi là trường hương học vì thường được đặt ở các làng, ngân sách do các làng

đóng góp. Trường tiểu học thì có 3 lớp nhì đệ nhất, nhì đệ nhị và lớp nhất, có khi chỉ có 2 lớp trên bậc tiểu học, được đặt ở các phủ huyện hoặc tỉnh lỵ. Học sinh sau khi đậu kỳ thi Sơ học yếu lược được nhận bằng tiểu học Pháp - Việt.

- *Bậc trung học* có hai ban Cao đẳng Tiểu học và Tú tài: Cao đẳng tiểu học gồm các lớp nhất niên, nhì niên, tam niên, tứ niên. Tú tài có thời gian học là 3 năm, có các lớp đệ nhất niên, đệ nhị niên, đệ tam niên. Chương trình tú tài ngay từ đệ nhất niên đã có sự phân ban thành Ban Khoa học và Ban Toán và Ban Triết. Học sinh học xong đệ nhị niên có thể thi lấy bằng tú tài bán phần. Phải có bằng tú tài bán phần thì mới được thi lấy bằng tú tài toàn phần.

5. MỘT SỐ NHẬN XÉT VỀ TỔ CHỨC VÀ VẬN HÀNH HỆ THỐNG GIÁO DỤC NAM KỲ THỜI THUỘC PHÁP

Trước khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, nền giáo dục Việt Nam nói chung và giáo dục Nam Kỳ nói riêng là nền giáo dục phong kiến, lạc hậu, chịu ảnh hưởng của nền giáo dục nho giáo Trung Quốc. Quá trình tiếp nhận nền giáo dục mới từ Pháp đã làm thay đổi diện mạo giáo dục Nam Kỳ từ hệ thống trường học đến sự vận hành hoạt động giáo dục và nội dung giáo dục.

Thứ nhất, về tổ chức, đó là việc đổi mới hệ thống trường học, cấp học, lớp học, với hình thức tổ chức dạy học tập trung.

Thứ hai, về nội dung giáo dục, chương trình gồm có khoa học xã hội, khoa

học tự nhiên, kỹ thuật, ngoại ngữ. Học sinh còn được phân ban theo các ban khoa học, ban toán và ban triết học. Học sinh phải học chữ Pháp và chữ quốc ngữ, các trường Pháp - Việt và các trường nho giáo đều dạy cho học sinh hai thứ tiếng để phục vụ cho mục tiêu cai trị thuộc địa của thực dân Pháp.

Thứ ba, giáo dục nghề nghiệp thời kỳ này rất được chú trọng, thể hiện quan điểm giáo dục thực nghiệp, đào tạo nhân lực để phục vụ cho việc khai thác thuộc địa. Đây chính là lý do các trường nghề ở Nam Kỳ ra đời trước các trường phổ thông và rất đa dạng về loại hình. Công việc tổ chức và quản lý các trường nghề cũng rất được coi trọng. Ngoài việc coi trọng xây dựng các chương trình đào tạo một cách bài bản, hệ thống, thời gian đào tạo quy định rõ ràng, công việc quản lý các trường nghề cũng được giao cho những người có trách nhiệm và có kinh nghiệm quản lý. Các trường đều có một hội đồng quản trị và dưới hiệu trưởng có quản đốc các phân xưởng thực hành tham gia quản lý, điều hành nhằm khai thác thể mạnh về tài nguyên của các địa phương.

Tóm lại, trong quá trình thống trị, thực dân Pháp đã tìm mọi cách để áp đặt giáo dục phương Tây vào Nam Kỳ, Việt Nam. Đây là một nền giáo dục mới, chưa từng có trong tiền lệ văn hóa giáo dục ở Việt Nam từ cơ cấu tổ chức đến quá trình vận hành cũng như những nội dung giáo dục. Về mặt khách quan, giáo dục mới đã mở ra những hình thức và nội dung mới cho

giáo dục Nam Kỳ đào tạo được một đội ngũ trí thức Tây học, một tầng lớp mới trong xã hội Nam Kỳ lúc bấy giờ. Mặc dù được đào tạo trong các trường học của Pháp, chịu ảnh hưởng của văn hóa Pháp, nhưng tầng lớp trí thức tân học ở Nam Kỳ vẫn có một nền tảng giáo dục truyền thống rất vững chắc. Họ am hiểu văn hóa, ngôn ngữ Pháp, họ dịch các tác phẩm chữ Pháp ra chữ quốc ngữ để phổ biến trong nhân dân, trực tiếp truyền bá tư tưởng khoa học, tư tưởng dân chủ phương Tây cho nhân dân thông qua các chuyến đi du học và từ nguồn sách báo nước ngoài.

Tuy nhiên, không thể phủ nhận nền giáo dục Nam Kỳ thời Pháp thuộc vẫn là một nền giáo dục thực dân, phục vụ cho mục đích cai trị của Pháp tại Đông Dương. Đó là một nền giáo dục gieo rắc những tư tưởng nô dịch, tuyên truyền cho văn hóa, tư tưởng của “mẫu quốc”. Hệ thống giáo dục có được mở rộng nhưng chủ yếu vẫn chỉ tập trung ở những thành phố, thị xã, thị trấn phục vụ cho con em người Pháp và đội ngũ quan lại người Việt thân Pháp. Đây là một nền giáo dục phục vụ cho số ít người chứ không phải cho quảng đại dân chúng. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Năm 1908, triều đình Huế lập ra Bộ Học, đến ngày 10/9/1932, Bảo Đại ra đạo dụ đổi thành Bộ Quốc gia Giáo dục. Mặc dù là một bộ của chính phủ Nam Kỳ như vẫn phải theo sự chỉ đạo của Hội đồng Học chính Trung Kỳ và Hội đồng Hoàn thiện giáo dục Trung Kỳ.

⁽²⁾ Theo Nghị định ngày 26/8/1906 của Toàn quyền Đông Dương, Hội đồng gồm có: Chủ tịch Lorin, quan cai trị Nam Kỳ phụ trách dân sự, phó Chủ tịch De Cappe, Chánh Sở Học chính Nam Kỳ; Thư ký Donnadiou, Hiệu trưởng Trường Gia định và đại diện các địa phương của Nam Kỳ.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%C6%B0%E1%BB%9Dng_Trung_h%E1%BB%8Dc_La_San_Taberd
2. Nguyễn Đăng Tiến (chủ biên). 1996. *Lịch sử giáo dục Việt Nam trước Cách mạng tháng 8/1945*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
3. Nguyễn Q. Thắng. 1993. *Khoa cử và giáo dục Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa - Thông tin.
4. Nguyễn Việt Lộc. 2009. “Văn hóa tổ chức Đại học quốc gia Hà Nội trong bối cảnh đổi mới và hội nhập”. *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Kinh tế và Kinh doanh*, số 25, trang 230-238.
5. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I. 2016. *Giáo dục Việt Nam thời kỳ thuộc địa*. Hà Nội: Nxb. Thông tin và Truyền thông.
6. Tunstall, W.B. 1983. “Cultural transition at AT&T”, *Sloan Management Review*, No. 25.